

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án
Khu nghỉ dưỡng biển Vinacapital Hội An-Shantira Beach Resort and Spa
tại Khối phố Hà My Đông A, phường Điện Dương,
thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu nghỉ dưỡng biển Vinacapital Hội An- Shantira Beach Resort and Spa tại khối phố Hà My Đông A, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 87/Cty-Royal ngày 28/6/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Royal Capital;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 574/TTr-STNMT ngày 23/7/2021 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu nghỉ dưỡng biển Vinacapital Hội An-Shantira Beach Resort and Spa được đầu tư xây dựng tại Khối phố Hà My Đông A, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam do Công ty Cổ phần Tập đoàn Royal Capital làm Chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25, Luật Bảo vệ môi trường.
2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong việc thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án.
4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại Quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn; Chủ tịch UBND phường Điện Dương; Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Royal Capital; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo ĐTM Dự án Khu nghỉ dưỡng biển Vinacapital Hội An-Shantira Beach Resort and Spa tại Khố phố Hà My Đông A, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC05;
- Phòng TN&MT thị xã Điện Bàn;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tân

Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2021

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC**



Phụ lục

PHỤ LỤC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHU NGHỈ DƯỠNG BIỂN VINACAPITAL HỘI AN-SHANTIRA BEACH RESORT AND SPA)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021
của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Các thông tin về Dự án

- Tên Dự án: khu nghỉ dưỡng biển Vinacapital Hội An – Shantira Beach Resort and Spa.

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Tập đoàn Royal Capital.

- Địa chỉ liên hệ: Khối phố Hà My Đông A, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

1.2. Phạm vi của Dự án

Khu nghỉ dưỡng biển Vinacapital Hội An – Shantira Beach Resort and Spa thực hiện với diện tích 86.076m². Dự án có giới hạn như sau:

+ Phía Đông Bắc: giáp vệt 50m cây xanh phía biển;

+ Phía Tây Nam: giáp vệt 20m cây xanh phía đường ĐT.603B;

+ Phía Đông Nam: giáp đường hiện trạng rộng 3,5m;

+ Phía Tây Bắc: giáp đường quy hoạch ra biển.

1.3. Quy mô của Dự án

- Dự án Khu nghỉ dưỡng biển Vinacapital Hội An- Shantira Beach Resort and Spa có quy mô diện tích 86.076m². Trong đó, cây xanh chuyên dùng ven biển (không thuộc ranh giới Dự án) là 12.741m².

- Quy mô phục vụ: dự kiến khoảng 2.160 người.

Phạm vi báo cáo: Dự án đã đầu tư xây dựng 02 khu căn hộ du lịch phân thô (CA, CB), 70 nhà biệt thự phân thô, nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà xe; đầu tư xây dựng khu căn hộ du lịch (CC), khu thương mại dịch vụ và các hạng mục bảo vệ môi trường (mặt bằng được san lấp bằng với cos nền Dự án).

Tổng thể quy hoạch sử dụng đất của Dự án như sau:

STT	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích ĐVT: (m²)
A	Đất Dự án		73.335
I	Đất xây dựng công trình		29.837
1	Căn hộ du lịch (CA, CB)	CA, CB	4.497

2	Biệt thự du lịch	VL1- VL10	21.097
3	Câu lạc bộ biển		544
4	Nhà phục vụ khu biệt thự du lịch	HK1- HK5	75
5	Căn hộ du lịch (CC)	CC	1.989
6	Khu thương mại, dịch vụ	DV1	1.638
7	Spa		0
8	Nhà hàng buffet		0
9	Bar		0
II	Đất cây xanh, mặt nước	CX-MN	23.349
1	Đất cây xanh		20.110
2	Đất mặt nước (Hồ bơi + hồ cảnh quan)		3.239
III	Đất giao thông, sân bãi, hạ tầng kỹ thuật		20.149
B	Đất ngoài Dự án (cây xanh chuyên dụng)		12.741
Tổng			86.076

Các chỉ tiêu xây dựng của Dự án phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và các quy hoạch phát triển có liên quan, phù hợp với các yêu cầu nêu tại Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (1/500) Khu nghỉ dưỡng biển Vinacapital Hội An- Shantira Beach Resort and Spa và Công văn 140/SXD-PQH ngày 02/02/2021 của Sở Xây dựng về điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết (1/500) của Khu nghỉ dưỡng biển Vinacapital Hội An- Shantira Beach Resort and Spa.

1.4. Các hạng mục chính của Dự án

- Khối căn hộ du lịch:

+ Khối căn hộ du lịch (CA) diện tích xây dựng 2.222m², tầng cao xây dựng 11 tầng, chiều cao tối đa 45m tính từ cos ±0,000. Tổng diện tích sàn 24.442m²;

+ Khối căn hộ du lịch (CB) diện tích xây dựng 2.272m², tầng cao xây dựng 11 tầng, chiều cao tối đa 45m tính từ cos ±0,000. Tổng diện tích sàn 24.991,78m²;

+ Khối căn hộ du lịch (CC): cách vạch cây xanh đường ĐT603B khoảng 60m; diện tích đất xây dựng từ 1.989m², tầng hầm 1.989m² và không gian ngầm 3.681m², tầng cao xây dựng 11 tầng, chiều cao tối đa 45m tính từ cos ±0,000. Tổng diện tích sàn 27.550,65m².

- Khu biệt thự du lịch (VL) được bố trí thành 3 lớp tương ứng với cao độ sân nền khác nhau để đảm bảo tất cả hướng được ra biển; toàn khu bố trí 70 căn với tầng cao xây dựng là 3 tầng, tổng diện tích xây dựng dự kiến khoảng 21.097m²;

được kết nối với đường ĐT 603B theo tuyến phụ.

- Khu thương mại dịch vụ (DV1) cách vệt cây xanh ĐT603B khoảng 14m, gồm 21 lô với diện tích đất xây dựng 1.638m², tầng cao 2 tầng, tổng diện tích sàn là 4.095m².

- Câu lạc bộ biển diện tích đất xây dựng 543,94m², gồm 2 tầng nổi và 1 tầng hầm, tổng diện tích sàn 1.674,42m².

- Khu cây xanh, cảnh quan, mặt nước và khu cây xanh chuyên dụng ven biển: tổng diện tích 36.090m².

- Khu công trình phụ trợ khác: bãi đỗ xe, hệ thống giao thông nội bộ, san nền, kè chắn, khu vực hạ tầng kỹ thuật (KT), nhà văn phòng, hệ thống cấp điện và chiếu sáng, cấp nước, hệ thống thu gom thoát nước mưa, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống Phòng cháy chữa cháy.

- Xây dựng riêng biệt hệ thống thu gom thoát nước mưa và hệ thống thu gom thoát nước thải.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải với công suất 580m³/ngày.đêm tại vị trí phía Bắc Dự án. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Đối với môi trường không khí: bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động thi công xây dựng Dự án và từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng.

- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.

- Đối với chất thải: chất thải rắn (CTR) thông thường, chất thải nguy hại (CTNH) khi thi công XD các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật của Dự án.

b) Trong giai đoạn hoạt động:

- Đối với môi trường không khí: bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động giao thông, khí thải từ máy phát điện dự phòng.

- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.

- Đối với chất thải: CTR, CTNH.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Bụi đất: bụi đất từ hoạt động giao thông, đào đắp đất, hoạt động của máy móc, thiết bị.

- Khí thải: phát sinh hoạt động của máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông chủ yếu là CO, NO₂, SO₂.

b) Trong giai đoạn hoạt động:

- Bụi, khí thải, tiếng ồn: phát sinh từ hoạt động giao thông trong khu du lịch, hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: khối lượng khoảng 2,675m³/ngày.đêm. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS, Nito, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- Nước thải xây dựng: khối lượng khoảng 5m³/ngày.đêm chủ yếu từ thất thoát khi phun giữ ẩm vật liệu xây dựng, nước rỉ từ hỗn hợp bê tông, vữa xi măng, nước rửa dụng cụ thi công, thùng trộn bê tông sau mỗi ngày làm việc, rửa bánh xe...

b) Trong giai đoạn hoạt động:

- Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động: 462m³/ngày.đêm. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS, Nito, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- CTR sinh hoạt: chất thải hữu cơ (thức ăn, rau thừa,...), các chất thải vô cơ (giấy vụn, carton, vỏ đồ hộp, bao bì, chai lọ,...) khoảng 48kg/ngày.

- CTR xây dựng: xà bần, cát sỏi, vỏ bao xi măng, gạch, cát, đá, gỗ, vụn nguyên liệu. Khối lượng chất thải xây dựng ước tính khoảng 30kg/ngày.

+ Cát đất từ quá trình đào móng xây dựng các công trình khoảng 42.694m³ hầu hết được tận dụng đắp tại khu vực trồng cây xanh.

b) Trong giai đoạn hoạt động:

- CTR từ quá trình sinh hoạt của du khách, cán bộ công nhân viên phục vụ trong khu du lịch như: bao bì, vỏ hộp, chai, lọ, thức ăn thừa,...khoảng 2.688kg/ngày.

- CTR từ hoạt động dịch vụ (ăn uống, vui chơi giải trí,...) khoảng 537,6kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

CTNH phát sinh chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải. Khối lượng khoảng 60kg/năm.

b) Trong giai đoạn hoạt động:

CTNH phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, thiết bị điện tử thải bỏ. Khối lượng tối đa khoảng 100kg/tháng.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Đối với bụi và khí thải:

- Xung quanh công trường che chắn bằng tôn cao 2-4m, tầng cao khi xây dựng được che bằng lưới chắn bụi để giảm phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

- Che chắn tạm thời các bãi để vật liệu chưa dùng đến (đất cát, đá sỏi) tại các khu tập kết vật liệu.

- Lập kế hoạch cung ứng vật tư phù hợp, hạn chế tập trung nhiều xe vào cùng một lúc trên các tuyến đường đồng thời vận chuyển nguyên vật liệu tránh các giờ cao điểm (từ 06h30 - 08h00; từ 16h00 - 17h30; từ 22h00 - 06h00), sử dụng phương tiện chuyên chở thích hợp.

- Các xe tải vận chuyển khi đi đến khu vực công trường sẽ được lợi qua máng rửa lớp xe để rửa đất đá dính trên bánh xe, đồng thời làm ướt bánh xe để giảm thiểu phát tán bụi.

- Không chở nguyên vật liệu cao quá thùng xe, che phủ bạt cẩn thận và chắc chắn trong suốt quá trình vận chuyển; dùng dầu DO có hàm lượng thấp.

- Thường xuyên vệ sinh quét dọn thu gom bụi đất trên tuyến đường vận chuyển, đặc biệt trên tuyến đường ĐT603B đoạn qua khu dân cư dẫn vào Dự án; thực hiện tưới nước giảm bụi vào những ngày nắng nóng với mật độ 2 lần/ngày (sáng, chiều).

- Hạn chế sử dụng máy móc, phương tiện quá cũ để giảm thiểu phát sinh khí thải độc hại.

b) Đối với nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Công trường hiện nay có 1 nhà vệ sinh khối văn phòng và 15 nhà vệ sinh xây tạm có bể tự hoại cho công nhân sử dụng và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút cặn;

+ Ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương có điều kiện tự túc ăn ở đến làm việc.

- Nước thải xây dựng: đối với nước thải rửa dụng cụ sau mỗi ngày làm việc sẽ được thu gom, lắng cặn tại hố lắng, nước lắng cặn được sử dụng tưới giảm bụi công trường. Khi kết thúc quá trình thi công xây dựng hố lắng được tiến hành lấp tại chỗ trả lại mặt bằng.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường:

- CTR sinh hoạt: kho chứa CTR tạm thời được bố trí tại phía Bắc Dự án gần khu tập kết nguyên vật liệu với diện tích khoảng 15m², kho được lắp dựng khung sắt bao quanh, mái bằng tôn, nền đổ bê tông, có rãnh thoát nước.

+ Bố trí các thùng rác tại công trường và phân công công nhân thường xuyên quét dọn thu gom hằng ngày. Rác thải sinh hoạt được tập trung về kho chứa CTR

sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Tiến hành phân loại chất thải, tách riêng các chất có thể tái sử dụng, tái chế để có biện pháp xử lý thích hợp, cụ thể:

+ Gỗ cốp pha, sắt thép vụn, bao bì xi măng: được thu gom, tái sử dụng hoặc bán cho các cơ sở phế liệu tại địa phương;

+ Đất, đá, gạch vỡ,... được tận dụng để san nền;

+ Đất từ quá trình đào móng xây dựng các công trình phụ trợ sẽ được tận dụng xây dựng đắp tại khu vực cây xanh để trồng cây;

+ Những chất thải còn lại không tận dụng được thì tập trung, thu gom tập kết về vị trí tập trung rác thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, thu gom, xử lý CTR phát sinh như CTR sinh hoạt.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:

- CTNH được thu gom và tập kết tại khu vực riêng biệt so với CTR thông thường.

- Xây dựng kho chứa CTNH bố trí bên cạnh kho chứa CTR, diện tích khoảng 10m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom xử lý đúng quy định. Kho chứa được lắp dựng khung sắt bao quanh và mái bằng tôn, nền đổ bê tông, có rãnh thoát nước.

3.2. Trong giai đoạn hoạt động

a) Về xử lý bụi, khí thải:

☒ *Đối với bụi, khí thải từ hoạt động giao thông:*

- Bố trí bãi đỗ xe cho du khách và cán bộ công nhân viên ra khu du lịch.

- Xây dựng nội quy bãi đỗ xe, bố trí nhân viên hướng dẫn xe ra vào khu du lịch.

- Phun nước trên đoạn đường phía trước cổng ra vào khu vực du lịch vào mùa du lịch cao điểm và tại bãi đỗ xe vào những ngày nắng, gió nhiều, lượng xe ra vào lớn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án, hồ cảnh quan, khu vực quy hoạch trồng cây xanh nhằm điều tiết vi khí hậu, ngăn giữ bụi, khí thải.

☒ *Giảm thiểu khí thải từ hoạt động máy phát điện:*

- Đầu tư máy phát điện hiện đại, bố trí trong phòng kỹ thuật có tường bao xung quanh và đặt tại ranh giới phía Bắc và cách biệt với các khu chức năng khác.

- Thiết bị chống rung dưới đế để hạn chế tiếng ồn phát sinh.

- Có bố trí ống thông khí đầu nối vào hệ thống trục kỹ thuật hút chung của tòa nhà có lắp đặt hệ thống lọc khí để thoát khí thải ra ngoài, đảm bảo vệ sinh môi trường dưới tầng hầm.

- Vận hành máy phát điện đúng công suất, đúng chỉ dẫn của nhà sản xuất.

- Sử dụng nhiên liệu đảm bảo chất lượng để vận hành máy phát điện.
- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng máy phát điện để đảm bảo máy luôn trong điều kiện hoạt động đạt hiệu quả.

☑ *Giảm thiểu khí thải và mùi từ hoạt động đun nấu trong khu vực bếp ăn:*

- Bố trí quạt cưỡng bức tại các vị trí phát sinh mùi từ nhà bếp.
- Lắp đặt máy hút khử mùi tại vị trí các bếp nấu.
- Nhà bếp được thiết kế đảm bảo độ thông thoáng, không khí đối lưu tốt.
- Sử dụng khí gas, điện, còn đông cục để đun nấu, không sử dụng các loại chất đốt khác có khả năng phát sinh khí độc.
- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng bếp nấu, đường ống dẫn khí gas, van,... đảm bảo khắc phục kịp thời các trường hợp rò rỉ khí gas.

b) Về xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt xây dựng độc lập với hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.

- Nước thải tại từng khu vực được xử lý sơ bộ tại nguồn trước khi xả vào đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ *Nước thải từ nhà vệ sinh:* nước thải nhà vệ sinh từ các nhà biệt thự, căn hộ du lịch sau khi được xử lý bằng bể tự hoại ba ngăn được đưa về hố gom chung và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án và xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường;

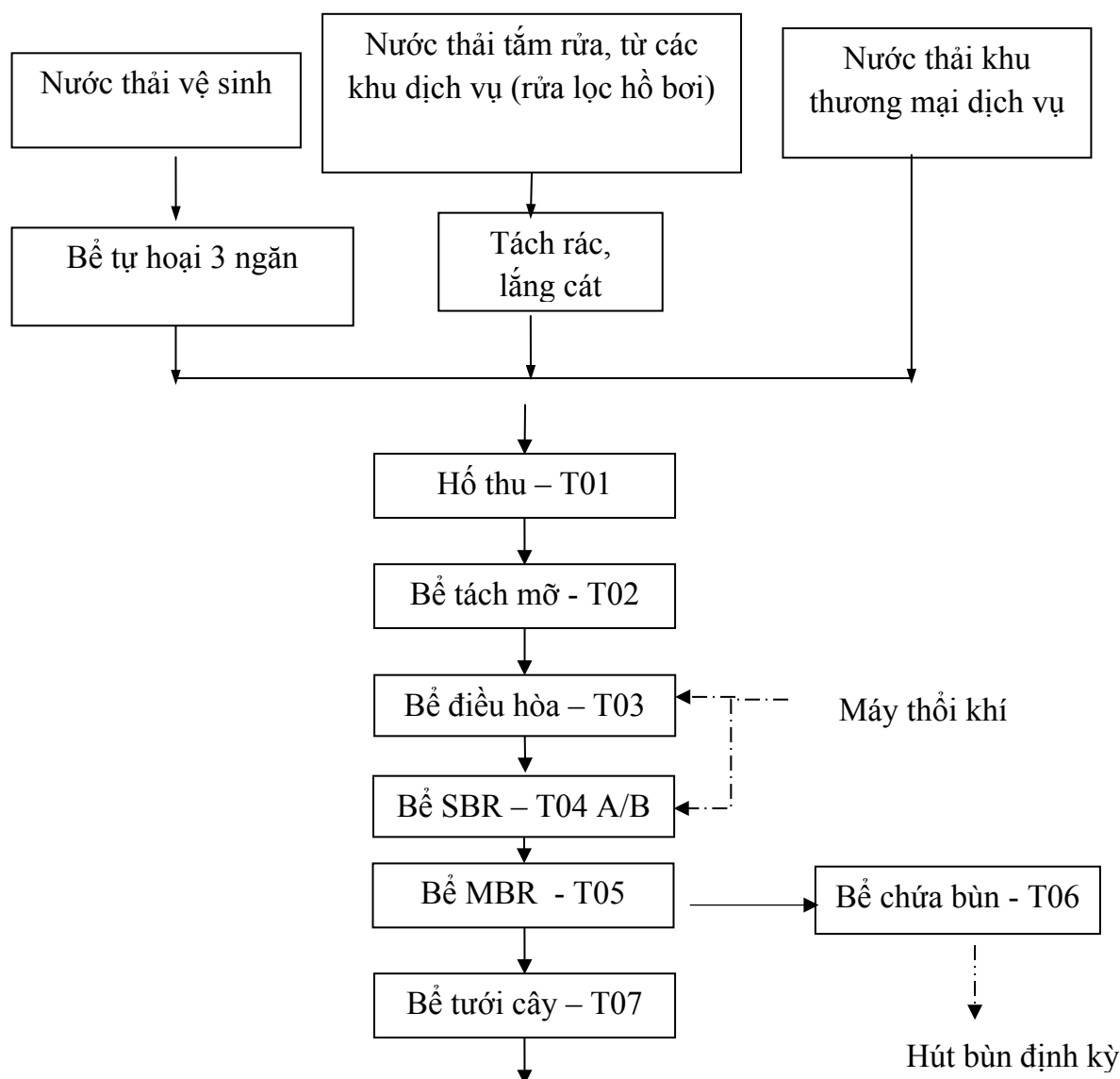
+ *Nước thải từ khu dịch vụ (rửa lọc hồ bơi, nước thải tắm rửa, vệ sinh sàn nhà,...):* được tách rác, lắng cát trước khi đưa về hố gom chung và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt, sau đó được chứa trong hồ chứa.

+ Với lưu lượng nước tưới cây khoảng 100m³/ngày.đêm do đó vào mùa nắng nước thải sau xử lý khoảng 21,65% được tận dụng tưới cây, lưu lượng còn lại thoát ra cống thoát nước chung hiện có trên đường ĐT603B, thoát ra sông Cổ Cò;

+ Mùa mưa, nước thải sau xử lý thoát ra cống thoát nước chung hiện có trên đường ĐT603B, thoát ra sông Cổ Cò.

Sơ đồ thu gom xử lý nước thải tại Dự án như sau:



QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1)- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Xây dựng kho chứa CTR có diện tích khoảng 15m² được bố trí tại khu hệ thống XLNT tập trung (phía Tây Bắc) với kết cấu tường xây bằng gạch bao quanh, có mái che, cửa ra vào, rãnh thoát nước và có gắn biển báo.

- Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

- Thực hiện nguyên tắc phân loại rác theo mô hình 3R (giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế).

- Tuyên truyền, vận động công nhân viên và du khách có ý thức về bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh chung.

- Bố trí nhân viên hằng ngày quét dọn và thu gom lá cây, cành cây mục trong khuôn viên Dự án; thu gom rác tại các thùng chứa về kho chứa CTR.

- Bố trí thùng chứa rác tại tất cả vị trí có khả năng phát sinh CTR trong khu phòng lưu trú khách sạn, nhà hàng, văn phòng làm việc, biệt thự,... để thu gom rác thải.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:

- CTNH được thu gom lưu chứa trong thùng chứa CTNH và tập kết tại khu vực riêng biệt so với CTR thông thường.

- Kho lưu giữ CTNH có diện tích khoảng 15m² được bố trí gần kho chứa CTR. Kho chứa được xây kín bằng tường gạch, có mái che, nền tráng bằng xi măng chống thấm, có biển báo, xung quanh có rãnh thu nước chảy tràn để phòng sự cố rò rỉ dầu mỡ.

- Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom xử lý đúng quy định. Thực hiện thu gom xử lý chất thải nguy hại theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

đ) Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Bố trí khu kỹ thuật nằm độc lập với các khu dịch vụ, khu khách sạn, biệt thự.

- Lắp đặt đệm cao su chống rung cho các loại thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, động cơ sử dụng trong khu du lịch, tra dầu bôi trơn các ổ trục và thay thế các thiết bị hư hỏng để hạn chế tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu kỹ thuật, xen kẽ giữa các công trình trong khu du lịch và dọc ranh giới khu du lịch, vừa tạo không gian đẹp, vừa tạo vành đai cách ly và hạn chế tiếng ồn.

e) Các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường:

- Xây dựng hệ thống Phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng hệ thống cấp nước đúng tiêu chuẩn phục vụ cho chữa cháy và bố trí ở vị trí quan trọng, thuận tiện để sử dụng khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- + Tuân thủ đúng quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trong quá trình vận hành có lập nhật ký theo dõi;

- + Bố trí nhân viên chịu trách nhiệm theo dõi công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung;

- + Lắp đặt các thiết bị dự phòng để phòng ngừa trường hợp máy móc bị hư hỏng.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

Bảng 4.1. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính

STT	Tên công trình	Số lượng	Công suất
1	Hệ thống thoát nước mưa	01 hệ thống	
2	Hệ thống thoát nước thải	01 hệ thống	
3	Hệ thống xử lý nước thải	01 trạm xử lý	580m ³ /ng.đ
4	Bể tự hoại	1 Bể	500m ³
5	Kho chứa CTR	1 kho	15m ²
6	Kho chứa CTNH	1 kho	15m ²

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

Bảng 5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu giám sát	Khối lượng giám sát	Tần suất giám sát	Cơ sở so sánh, đánh giá
A	Trong giai đoạn thi công				
1	Giám sát CTR	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTR	- Toàn công trường.	Thường xuyên trong quá trình thi công xây dựng	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP
2	Giám sát CTNH	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTNH	- Toàn công trường.		Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT
B	Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm				
<p>Chủ dự án thực hiện đúng Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và lập thông báo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án theo Mẫu số 09, Phụ lục VI, Mục I, Phụ lục ban hành đính kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường</p>					
C	Trong giai đoạn hoạt động				
1	Giám sát chất lượng nước thải	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Amoni, Nitrat, Photphat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms	- 01 mẫu tại vị trí đầu vào XLNT tập trung khu du lịch. - 01 mẫu tại vị trí đầu ra	03 tháng/lần	QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1)

			XLNT tập trung khu du lịch		
2	Giám sát nước biển	pH, Chất rắn lơ lửng (TSS), COD, Amoni (NH_4^+) (theo N), Váng dầu mỡ, coliforms.	- 01 mẫu nước biển ven bờ tiếp giáp với khu du lịch	06 tháng/lần	QCVN 10-MT:2015/BTNMT
3	Giám sát nước mặt	pH, DO, TSS, COD, BOD ₅ , NH_4^+ , NO_3^- , NO_2^- , PO_4^{3-} , Clorua, Fe, Zn, tổng dầu mỡ, coliforms.	- 01 mẫu nước mặt tại hồ cảnh quan	6 tháng/lần	QCVN 08 - MT:2015/BTNMT (cột B1)
4	Giám sát CTR	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTR	- Toàn khu vực Dự án	Thường xuyên	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP
5	Giám sát CTNH	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTNH	- Toàn khu vực Dự án	trong quá trình hoạt động	Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT

6. Trách nhiệm của Chủ dự án

6.1. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

6.2. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong Dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

6.4. Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Điện Bàn để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.5. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

6.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Điện Bàn trước khi bắt đầu tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Sau khi kết thúc thời gian vận hành thử nghiệm phải thông báo kết quả hoàn thành về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thị xã Điện Bàn để được theo dõi, giám sát..

6.7. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thị xã Điện Bàn để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vận hành chính thức.

6.8. Trong quá trình triển khai Dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại khoản 2, Điều 26, Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại điểm 4, khoản 7, Điều 1 tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

7. Các điều kiện liên quan kèm theo

7.1. Dự án chỉ được triển khai xây dựng khi cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất và thực hiện các quy định khác theo pháp luật hiện hành.

7.2. Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

7.3. Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

7.4. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 24/2/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.5. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù

hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn, có giải pháp hạn chế tình trạng sụt lún tại khu vực Dự án trong quá trình thi công và vận hành Dự án. Đồng thời, tuyệt đối không xả chất thải vào sông Cò Cò khi chưa được xử lý theo quy định hiện hành.

7.6. Xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án được xử lý đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1); thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, bảo đảm đạt các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành trước khi tận dụng tưới cây 21.65% và lượng nước còn lại thải ra môi trường vào mùa nắng, mùa mưa nước thải sau xử lý thải ra môi trường qua cống thoát nước chung trên đường ĐT603B.

7.7. Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

7.8. Có các biện pháp kỹ thuật an toàn và môi trường phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của Dự án tới các hoạt động giao thông đường bộ; có các biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện Dự án; thực hiện nghiêm túc chiều cao xây dựng, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng; không làm ảnh hưởng đến các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, tới các di tích văn hóa, các hoạt động du lịch trong khu vực.

7.9. Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án song song với quá trình thi công xây dựng; đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

7.10. Phối hợp với Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn thực hiện các biện pháp đảm bảo cuộc sống cho người dân bị mất đất, mất sinh kế để thực hiện Dự án và đảm bảo an ninh, trật tự xã hội; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực lân cận do tác động của việc thực hiện Dự án.

7.11. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng cấp nước sinh hoạt, an toàn hóa chất, tài nguyên nước và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án.

7.12. Phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ phế thải xây dựng; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để đảm bảo việc san lấp mặt bằng, tập kết vật liệu xây dựng, đổ thải phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

7.13. Tuân thủ các quy định hiện hành về: khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

7.14. Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7.15. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.